ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26 /2021/QĐ-UBND	*Phú Yên, ngày 11 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 55/TTr-STP ngày 30 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết việc đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên và Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy chế phối hợp giải quyết việc đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên được ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 8 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài chính, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm truyền thông;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Hậu Thế

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức và nội dung phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Sở Tư pháp;

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Công an tỉnh;

đ) Sở Y tế;

e) Cơ sở nuôi dưỡng;

g) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã);

h) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và các điều ước quốc tế về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên.

2. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan.

3. Chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức họp liên ngành.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.

4. Thành lập các đoàn công tác liên ngành.

5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Điều 4. Phối hợp trong việc lập Biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi

1. Cơ quan có trách nhiệm lập biên bản phát hiện trẻ em bị bỏ rơi

Ngay sau khi nhận được thông báo về việc trẻ em bị bỏ rơi từ cơ sở y tế hoặc người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi. Biên bản được lập thành hai bản, một bản lưu tại cơ quan lập, một bản giao cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ và phải được người lập, những người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, người làm chứng (nếu có) ký tên và đóng dấu xác nhận của cơ quan lập.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm:

a) Tìm người hoặc tổ chức tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. Trường hợp có cá nhân, gia đình cư trú tại địa bàn của xã, phường, thị trấn đăng ký nhận chăm sóc thay thế trẻ em thì lựa chọn gia đình, cá nhân nhận chăm sóc thay thế, quyết định giao, nhận trẻ em để chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật về trẻ em. Trường hợp trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có cá nhân, gia đình nào đăng ký nhận chăm sóc thay thế hoặc tạm thời nuôi dưỡng trẻ em thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành lập hồ sơ chuyển trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng theo quy định pháp luật.

b) Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong thời hạn 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch.

c) Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ em.

3. Cơ sở y tế nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh đúng theo quy định của pháp luật đối với trẻ em sinh ra và bị bỏ rơi tại cơ sở y tế để tránh tình trạng làm giả hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi.

b) Ngay khi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi tại cơ sở y tế, Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc bảo vệ trẻ an toàn, đồng thời thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền gần nhất (nơi có trụ sở của cơ sở y tế) biết về việc trẻ em bị bỏ rơi để thực hiện việc lập biên bản theo quy định.

c) Bàn giao trẻ và cung cấp đầy đủ thông tin giấy tờ, tài liệu có liên quan đến tình trạng nhân thân của trẻ em bị bỏ rơi theo hồ sơ ban đầu tại cơ sơ y tế cho Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi để thực hiện các

thủ tục liên quan theo quy định (không tự ý bàn giao trẻ, hồ sơ ban đầu của trẻ cho các tổ chức, cá nhân khác không đúng thẩm quyền nêu tại Khoản 1, Điều này).

Điều 5. Phối hợp trong việc rà soát, tìm người nhận trẻ em làm con nuôi

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Hằng tháng rà soát, đánh giá việc trẻ em đang cư trú trên địa bàn cần được nhận làm con nuôi đối với các trường hợp: Trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật. Khi thực hiện rà soát, đánh giá trẻ em cần được nhận làm con nuôi cần lưu ý đến độ tuổi, nhân thân *(căn cứ vào giấy khai sinh)*, tình trạng sức khỏe và nguyện vọng của trẻ.

b) Nếu có cá nhân, gia đình cư trú tại địa phương nhận trẻ em làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi không có cá nhân, gia đình cư trú tại địa phương nhận trẻ em làm con nuôi thì Uỷ ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng theo quy định pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt công tác rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi theo Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.

b) Có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi khi nhận được đầy đủ hồ sơ do cơ sở nuôi dưỡng trên địa bàn gửi.

3. Trách nhiệm của Cơ sở nuôi dưỡng

Đánh giá việc trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng cần được nhận làm con nuôi. Thực hiện giao hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi để thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi hoặc lập danh sách, hồ sơ của trẻ em bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 1, Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi, xin ý kiến của cơ quan chủ quản theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4, Điều 1 Nghị định 24/2019/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do cơ sở nuôi dưỡng gửi, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi.

5. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ trẻ em, nếu có người dân cư trú trên địa bàn tỉnh đăng ký nhu cầu nhận con nuôi và đủ điều kiện nhận con nuôi thì Sở Tư pháp có công văn giới thiệu và giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi để liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

b) Trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi và trẻ em không thuộc diện quy định tại Khoản 2, Điều 1 của Nghị định số 24/2019/NĐ-CP thì Sở Tư pháp phối hợp với Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Phú Yên để thông báo, đăng tin miễn phí tìm người nhận trẻ em làm con nuôi trên phạm vi toàn tỉnh (đăng 03 lần liên tiếp), đồng thời đăng tải trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp.

Trường hợp trong thời gian đăng tin tìm gia đình thay thế cho trẻ em, nếu có người dân có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi thì phải đăng ký nhu cầu nhận con nuôi tại Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có công văn giới thiệu và giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi để liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi theo quy định.

c) Sau khi hết thời hạn thông báo (60 ngày) theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi, nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì Sở Tư pháp gửi 01 bộ hồ sơ trẻ em theo quy định tại Khoản 1, Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi cho Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi theo quy định tại Điểm d Khoản 2, Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi.

Trong thời gian đăng tin tìm gia đình thay thế trên toàn quốc, nếu có công dân Việt Nam thường trú trong nước có nguyện vọng, đủ điều kiện nhận con nuôi và đăng ký nhu cầu nhận con nuôi tại Sở Tư pháp, thì Sở Tư pháp thông báo Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp để xóa tên trẻ em trong danh sách cần tìm gia đình thay thế sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.

d) Trường hợp không có người dân cư trú ở địa phương đăng ký nhu cầu nhận con nuôi và trẻ em thuộc diện quy định tại Khoản 2, Điều 1 của Nghị định số 24/2019/NĐ-CP thì Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài và gửi Cục Con nuôi 01 bộ hồ sơ trẻ em bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1, Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi và văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài, văn bản xác minh của Công an tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em từ đủ chín tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng thì phải có văn bản lấy ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi, để tìm người nhận con nuôi đích danh có điều kiện phù hợp với việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em.

6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và truyền thông

Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc bảo đảm đăng tải miễn phí thông tin về việc tìm gia đình thay thế cho trẻ em trên Đài Phát thanh - Truyền hình, Tòa soạn Báo Phú Yên theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 6. Phối hợp trong việc xác minh hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp: Đề nghị Công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh:

a) Xác minh và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Nội dung trả lời xác minh của Công an tỉnh cần nêu rõ nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi, không xác định được cha, mẹ đẻ. Trường hợp xác định được cha, mẹ đẻ của trẻ em thì nêu rõ họ, tên, nơi cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em để Sở Tư pháp tiến hành thủ tục lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

b) Rút ngắn tối đa thời hạn xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi thuộc diện quy định tại Khoản 2, Điều 1 của Nghị định số 24/2019/NĐ-CP để tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo sớm tìm được gia đình thay thế ở nước ngoài và được chữa trị, chăm sóc sức khỏe trong điều kiện y tế hiện đại.

c) Phối hợp với Sở Tư pháp trong trường hợp cần tiếp tục xác minh bổ sung về nguồn gốc của trẻ em.

Điều 7. Phối hợp trong việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài đối với trẻ em bị bỏ rơi

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi mà Công an tỉnh xác minh được thông tin về cha, mẹ đẻ và Sở Tư pháp liên hệ được với cha, mẹ đẻ thì Sở Tư pháp tiến hành lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ trước khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài.

b) Trường hợp không thể liên hệ được với cha, mẹ đẻ và có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha, mẹ đẻ cư trú xác nhận về việc cha, mẹ đẻ đã bỏ đi khỏi địa phương, không rõ nơi cư trú hiện tại, thì Sở Tư pháp niêm yết tại trụ sở Sở Tư pháp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, đồng thời có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha, mẹ đẻ niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cho trẻ em làm con nuôi.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

Theo đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha, mẹ đẻ của trẻ em có trách nhiệm niêm yết về việc trẻ em được cho làm con nuôi tại trụ sở. Thời hạn niêm yết là 60 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp. Hết thời hạn 60 ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản đến Sở Tư pháp về kết quả niêm yết.

Điều 8. Phối hợp trong việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Trường hợp trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp phải có văn bản xác nhận đối với từng trường hợp cụ thể. Việc xác nhận trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài phải bảo đảm trẻ em đáp ứng đủ các yêu cầu về độ tuổi, đối tượng được nhận đích danh, đối tượng phải thông qua thủ tục giới thiệu; hồ sơ phải có đủ các giấy tờ hợp lệ.

b) Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có văn bản xin ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo diện đích danh theo Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP hay phải thông qua thủ tục giới thiệu.

c) Sau khi trẻ em được xác nhận đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp gửi Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài, văn bản xác minh của Công an tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng thì phải có văn bản lấy ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan khác:

Phối hợp cho ý kiến theo đề nghị của Sở Tư pháp kịp thời, đúng thời hạn để đảm bảo trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài.

Điều 9. Phối hợp trong việc giới thiệu trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi người nước ngoài

Việc giới thiệu trẻ em không thuộc diện quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP làm con nuôi người nước ngoài phải bảo đảm các căn cứ để giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài quy định tại Điều 35 Luật Nuôi con nuôi và thực hiện như sau:

1. Trường hợp họp liên ngành thì thành phần gồm Giám đốc hoặc Phó giám đốc Sở Tư pháp (Chủ trì cuộc họp), đại diện Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, đại diện Lãnh đạo Sở Y tế, đại diện Lãnh đạo Công an tỉnh, đại diện Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện Lãnh đạo cơ quan chủ quản cơ sở nuôi dưỡng, đại diện Ban Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng có trẻ em được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, gia đình, xã hội tham gia ý kiến để liên ngành xem xét tư vấn việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi cho các đại biểu tham gia họp liên ngành ít nhất 03 ngày trước ngày họp phương án giới thiệu trẻ em kèm theo báo cáo đánh giá hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi.

Trong cuộc họp, các đại biểu tham gia họp liên ngành cho ý kiến, thảo luận về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi. Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì họp liên ngành tổng hợp ý kiến và kết luận về phương án giới thiệu trẻ em.

Căn cứ vào kết luận của cuộc họp liên ngành, Sở Tư pháp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

2. Trường hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản thì Sở Tư pháp gửi công văn kèm theo phụ lục báo cáo đánh giá hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi cho các cơ quan, ban ngành nêu tại Khoản 1 Điều này đề nghị cho ý kiến về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, các cơ quan, ban ngành được hỏi ý kiến có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của các cơ quan, ban ngành hữu quan và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về việc đồng ý hoặc không đồng ý với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

a) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý việc giới thiệu, thì trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của UBND tỉnh, Sở Tư pháp chuyển cho Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu, thì Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo rõ lý do bằng văn bản để Sở Tư pháp tiến hành giới thiệu lại. Sau 03 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý mà Sở Tư pháp không giới thiệu được thì Sở Tư pháp phải gửi trả lại hồ sơ của người nhận con nuôi cho Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp kèm theo văn bản nêu rõ lý do.

Điều 10. Việc lập dự toán, sử dụng, chấp hành, quyết toán kinh phí cho công tác giải quyết việc nuôi con nuôi

Các cơ quan, đơn vị tham gia công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài có trách nhiệm:

1. Lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bảo đảm cho công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Các nội dung chi được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 8 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài.

Một số mức chi chưa có quy định nhưng cần thiết để phục vụ công việc thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được vận dụng các mức chi tương ứng với các công việc tương tự đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Sử dụng, chấp hành, quyết toán kinh phí và báo cáo việc sử dụng kinh phí theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này; đôn đốc, theo dõi, đánh giá về công tác phối hợp; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp liên ngành để tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế, kinh nghiệm, những vướng mắc, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ động thực hiện các biện pháp bảo đảm việc tìm người nhận trẻ em làm con nuôi theo quy định pháp luật và quy định tại Điều 5 Quy chế này, vì quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em.

3. Chủ trì việc hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc rà soát, đánh giá và giải quyết việc nuôi con nuôi đối trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường công tác nuôi con nuôi trong nước.

4. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới.

5. Chủ động chuẩn bị nội dung, tổ chức các cuộc họp liên ngành thường kỳ hoặc đột xuất hoặc trao đổi ý kiến liên ngành bằng văn bản để đảm bảo hiệu quả của công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại địa phương.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tham gia, thực hiện theo tiến độ, bảo đảm chất lượng các nội dung phối hợp.

2. Cử cán bộ tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có) và tạo điều kiện cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp trong lĩnh vực quản lý của mình, gửi cơ quan chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo chung theo Quy chế này.

4. Chủ trì đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở nuôi dưỡng rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi đối với trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang sống ở cơ sở nuôi dưỡng và lập hồ sơ trẻ em.

5. Chủ trì việc rà soát, đánh giá năng lực các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập trên địa bàn nhằm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh củng cố, kiện toàn tổ chức, cơ sở vật chất, nâng cao năng lực cơ sở trợ giúp xã hội nhằm tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh.

6. Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quy chế này.

Điều 13. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi người nước ngoài theo Khoản 2, Điều 6 Quy chế này.

2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi phạm tội trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

3. Đôn đốc, kiểm tra, ngăn chặn, phòng chống việc làm giả giấy tờ, hồ sơ của trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài

4. Tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có).

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Sở Y tế hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh, tử theo đúng theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế tạo điều kiện thuận lợi trong trường hợp có tiếp nhận đề nghị xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi tại các cơ sở khám, chữa bệnh hoặc các sự kiện sinh khác theo yêu cầu của Công an tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Tư pháp.

3. Tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có).

Điều 15. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện tốt các nội dung theo Quy chế.

2. Cử cán bộ tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có) và tạo điều kiện cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Phối hợp với Sở Tư pháp kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đúng thời hạn theo quy định của Luật Nuôi con nuôi.

Điều 16. Trách nhiệm của Cơ sở nuôi dưỡng

1. Thực hiện đúng các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.

2. Tạo điều kiện hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện để người nhận con nuôi được tiếp xúc, làm quen với trẻ em khi đến Việt Nam nhận con nuôi theo quy định tại Khoản 2, Điều 37 Luật Nuôi con nuôi.

3. Báo cáo việc tiếp nhận, sử dụng và quản lý các khoản hỗ trợ nhân đạo theo quy định pháp luật và báo cáo Cục Con nuôi về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản hỗ trợ nhân đạo của cha mẹ nuôi và tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam theo định kỳ 06 tháng và hàng năm hoặc theo yêu cầu theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 4 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện đúng các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi trên địa bàn mình quản lý.

Điều 18. Trách nhiệm của Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Phú Yên

1. Đảm bảo việc đăng tải miễn phí thông báo tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Tư pháp.

2. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trẻ em và về nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp và căn cứ ngân sách, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí cho đơn vị thực hiện các nội dung theo quy định.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức theo trách nhiệm được phân công, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức phối hợp có trách nhiệm gửi văn bản phản ánh về Sở Tư pháp để kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật hiện hành./.